

**BIỂU TƯỢNG VÀ CẤU TRÚC VĂN BẢN
TRONG TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN VIỆT NAM
(QUA BIỂU TƯỢNG ĐÁ VÀ TRUYỀN THUYẾT VỀ KÌ THẠCH PHU NHÂN,
THAI DƯƠNG PHU NHÂN Ở THỪA THIÊN HUẾ)**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: qhuong08@husc.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/01/2024; ngày hoàn thành phản biện: 01/3/2024; ngày duyệt đăng: 5/3/2024

TÓM TẮT

Trên cơ sở khảo dị văn bản và phân tích cấu trúc truyền thuyết về Kì Thạch phu nhân, Thai Dương phu nhân ở Thừa Thiên Huế, bài viết khám phá mối quan hệ khá mật thiết giữa biểu tượng và cấu trúc văn bản. Trong đó, biểu tượng chi phối đến cấu trúc văn bản, góp phần hình thành dạng cấu trúc gồm hai phần: giải thích đối tượng thờ tự gắn liền với biểu tượng và sự hiển linh của vị thần được thờ. Đồng thời, cấu trúc văn bản cũng hỗ trợ giải mã các lớp nghĩa của biểu tượng – hình thái tồn tại của vị thần.

Từ khóa: biểu tượng, cấu trúc văn bản, truyền thuyết dân gian, Kì Thạch phu nhân, Thai Dương phu nhân.

1. MỞ ĐẦU

“Việc nghiên cứu truyền thuyết dân gian trong văn bản với tất cả sự khả thủ và bất cập cần được tính đến khi sử dụng chúng làm tài liệu nghiên cứu. Việc tập hợp một cách tối đa các văn bản (“dị bản”) và đặt nó trong bối cảnh diễn xướng, là môi trường kể và môi trường lễ hội đương đại, có thể là cách tốt nhất để tiếp cận được các giá trị cốt lõi của truyền thuyết dân gian” [1].

Để khám phá mối quan hệ giữa biểu tượng và cấu trúc văn bản, đối với hai trường hợp Thai Dương phu nhân và Kì Thạch phu nhân, chúng tôi nỗ lực để tập hợp được tối đa các dị bản. Chúng tôi cho rằng hoạt động này sẽ giúp xác nhận đầy đủ các chi tiết liên quan đến văn bản và chỉ ra được phạm vi lưu truyền, cũng như nguyên nhân tạo ra dị bản. Các yếu tố ngoại biên trong mỗi văn bản có khả năng hỗ trợ cho chúng tôi trong quá trình xác lập cấu trúc của các bản kể truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kì Thạch phu nhân.

Theo chúng tôi, trong các bản kể, biểu tượng đá có sự tác động đến cấu trúc văn bản. Đồng thời, việc đặt vấn đề nhìn truyền thuyết từ cấu trúc văn bản nhằm làm rõ vai trò và các lớp nghĩa của biểu tượng đá.

2. NỘI DUNG

2.1. Khảo dị văn bản

Theo kết quả khảo sát, truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kì Thạch phu nhân hiện nay có khá nhiều dị bản được lưu truyền. Chúng tôi đặt ra vấn đề văn bản của hai truyền thuyết nhằm làm rõ hơn giá trị, vai trò và quá trình lưu truyền của truyền thuyết thông qua các văn bản đã được in ấn, xuất bản. Đồng thời, trong các dị bản, những chi tiết liên quan đến đá/ vị thần trú ngụ trong đá cũng có những điểm dị biệt. Do đó, trong mục này, chúng tôi vừa thống kê, khảo sát các văn bản vừa tiến hành khảo dị truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kì Thạch phu nhân.

Thứ nhất, truyền thuyết *Kì Thạch phu nhân*:

Đại Nam nhất thống chí (1961) của Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn thời vua Tự Đức là bộ sách quan trọng nhất về địa chí Việt Nam dưới thời phong kiến. Trong quyển Thừa Thiên phủ, tập thượng, mục từ miếu, *Đại Nam nhất thống chí* [2] đã ghi chép lại rất ngắn gọn huyền thoại về Kì Thạch phu nhân như sau: Đền thuộc xã Thanh Phước. Một ngày nọ, ngư phủ đi đánh cá thì lưới bị đá chặn nên đành di chuyển đến vị trí khác để bủa lưới. Sau đó, một người đàn bà đã hiển linh trong giấc mộng của ngư phủ, tự xưng là thần và bảo nếu đem bà lên bờ thì bà sẽ phù hộ. Ngư phủ rủ bạn cùng lặn, khiêng tảng đá về thờ. Triều Nguyễn đã phong cho tước “Kì Thạch phu nhân chi thần” bởi thần rất linh ứng, mọi cầu đảo đều được ứng nghiệm. Trong một lần cầu mưa, khi khiêng đá dời đến bến sông, một hòn đá đã bị mất. Di tích hiện vẫn còn. Các nhà nghiên cứu ghi nhận đây là văn bản đầu tiên được lưu giữ của truyền thuyết *Kì Thạch phu nhân*. Hầu hết những văn bản *Kì Thạch phu nhân* xuất hiện sau này đều trên cơ sở chính là văn bản của Quốc sử quán triều Nguyễn.

Bài viết “Sự tích nữ thần Kì Thạch phu nhân” in trong tập san Bulletin des Amis du Vieux Huế năm 1915 (trong *Những người bạn Cố đô Huế* (1997, Đặng Như Tùng dịch), NXB Thuận Hóa, Huế) ngoài việc trích dẫn nguyên vẹn văn bản của Quốc sử Quán triều Nguyễn, Đào Thái Hanh như một người dẫn đường đưa khách thập phương về thăm miếu. Ông giới thiệu nơi tọa lạc của miếu thờ: “Khách đi dọc từ Huế ra Thuận An, tới ngã ba Hương Giang và Bồ Giang, thuộc xã Thanh Phước, huyện Hương Trà, thấy bên tả ngạn một ngôi miếu nhỏ, xây bằng gạch, thờ Kì Thạch phu nhân” [3]. Đào Thái Hanh mô tả chi tiết hình dáng và những nét chạm trổ trên đá thờ:

Tảng đá này màu đen, có hình dạng như nửa tấm bưng tròn, có đáy 1,20m, cao

0,90m, dày 0,23m, có chạm nhiều hình người và con vật. Các hình chạm chia làm hai nhóm: phần trên, là một hình người hầu như trần truồng, ngồi trên tòa sen, chân xếp bằng và tay đặt lên đầu gối; bên phải có một con thú kỳ lạ và vài hình phác họa về người, với nét vẽ non nớt; về bên trái, có năm hình khắc đàn ông, đàn bà, con nít, người cầm ly rượu, kẻ thổi sáo. Phần dưới cách với phần trên bằng một đường viền được kẻ một cách thô sơ, có một đám người ăn mặc kín nửa người, hình như muốn vươn lên bằng cách đưa những cánh tay lên, hướng về người ở giữa của phần trên. Có khoảng hai mươi cái tay, mà bảy cái đeo vòng, có thể là tay đàn bà. Chân thì chỉ có bốn. Cạnh con người kì dị ấy, bên phải có khắc chạm một người có ba mặt đứng cầm cái chai, và một người nữa bị trói gô ngồi chồm hổm ở phía dưới, bên góc đối diện; sau cùng, bên trái là một con voi lớn chống đuôi lên trời [3] cùng với phụ bản hình vẽ minh họa:



PLANCHE LXII. — Tympanon de Thien Phieu. (Dessin de M. TON-THAT SA.)

Trong *Truyện kể dân gian Thừa Thiên Huế* (1998), nhóm biên soạn (Tôn Thất Bình chủ biên, Trần Hoàng và Triều Nguyên) đã dựng lại văn bản và xếp vào thể loại truyền thuyết với tên gọi *Kì Thạch phu nhân* [4]. Bên cạnh cốt truyện gần với văn bản trong *Đại Nam nhất thống chí: Thừa Thiên phủ*, một số chi tiết trong tác phẩm được bổ sung cụ thể hơn: vị trí địa lý của miếu thờ (làng Thanh Phước, xã Hương Phong, huyện Hương Trà); trong quá trình lặn sông khiêng đá, có sự giúp sức của làng Lại Ân và Triều Sơn; thần đá được dân làng suy tôn là Thượng đẳng thần; việc cúng vái và tổ chức đua trái ở quãng sông trước mặt miếu; thời điểm cầu mưa và một tảng đá biến mất được xác định là thời Tự Đức. Truyền thuyết còn giới thiệu chi tiết tảng đá thờ với sự miêu tả của Đào Thái Hanh.

Vậy nên, đối với truyền thuyết *Kì Thạch phu nhân*, cốt truyện và các chi tiết liên quan đến biểu tượng đá hầu như không có độ chênh giữa các văn bản. Nghĩa là cốt truyện đã ổn định và văn bản được bảo lưu khá tốt trong quá trình lưu truyền. Những văn bản xuất hiện sau chỉ mang tính chất tập hợp các nguồn tư liệu và kết quả điền dã,

bổ sung cụ thể một số chi tiết trong truyền thuyết. Riêng tác giả Triều Nguyên, trong tập 1 – Thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, thuộc bộ *Tổng tập văn học dân gian xứ Huế* (2012) [5], khi dựng lại tác phẩm *Thần Kì Thạch phu nhân*, ông đã xếp truyện vào thể loại thần thoại về các anh hùng văn hóa, tổ sư nghề. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn đồng thuận với ý kiến của Tôn Thất Bình, tác phẩm phải thuộc về truyền thuyết.

Thứ hai, truyền thuyết *Thai Dương phu nhân*:

Công trình ghi chép truyền thuyết đầu tiên là *Ô Châu cận lục* (1961) của Dương Văn An. Đây được xem là “địa phương chí sớm nhất” của Việt Nam. Trong quyển 5, mục đền thờ thần, Dương Văn An đã giới thiệu đền Thai Dương. Ông cũng đã trình bày khá nhiều chi tiết truyền thuyết liên quan: *Đền Thai Dương* [6]. Theo văn bản, đền Thai Dương tọa lạc tại xã Thái Dương, huyện Kim Trà, và thần là người nước Chiêm. Câu chuyện bắt đầu với chi tiết hai anh em mồ côi. Một hôm cãi nhau, người anh làm người em bị thương ở gáy nên kinh sợ, bỏ ra ngoại quốc làm ăn. Thời gian sau, người anh trở về, ngẫu nhiên lập gia đình với người em. Một lần, người anh nhận ra vợ của mình chính là cô em gái ngày xưa nhờ vết sẹo cũ. Người anh lại im lặng, bỏ nhà ra đi. Người vợ không hiểu sự tình, hàng ngày ra bãi cát ngóng chờ. Người vợ chết trong nỗi sầu khổ, còn bào thai hóa đá. Rất lâu sau, có một người đánh cá gỏi đầu lên khối đá ngủ, mộng thấy một người đàn bà bảo không được chạm đến cái thai của bà. Người đánh cá tỉnh dậy và cầu khẩn nếu thần giúp đánh được nhiều cá thì sẽ xin lập đền thờ. Lời nguyện khẩn thành sự thật nên không chỉ người đánh cá mà phường chài trong vùng cũng đều phụng thờ và tế lễ. Trong lễ tế thần vào mùa rét, một thiếu nữ được dùng làm vật hy sinh để tế thần, sau đó được thay thế bằng một con bò. Tác phẩm cũng giải thích việc thường có gió bão động bể vào tháng tư Âm lịch với lý do là gió đón ông chồng về nước. Văn bản của Dương Văn An ghi chép là cơ sở quan trọng nhất cho việc dựng văn bản *Thai Dương phu nhân* của các tác giả sau này.

Năm 1997, Đào Thái Hanh đưa ra một văn bản truyện kể về đền Thai Dương phu nhân với những chi tiết hoàn toàn khác trong “Chuyện Thánh mẫu Thai Dương phu nhân” (*Histoire de la Déesse Thai Duong phu nhan*) in trong số 1 tập san Bulletin des Amis du Vieux Huế (trong *Những người bạn Cố đô Huế*, (1997, Đặng Như Tùng dịch, NXB Thuận Hoá, Huế) [7]. Bên cạnh việc Đào Thái Hanh đã vẽ một sơ đồ những khu vực xung yếu quanh vị trí của miếu, trong văn bản, người đánh cá tên Danh Bố mồ côi, lương thiện, sống nghèo khổ. Một đêm mưa to gió lớn, trong khi đợi thủy triều rút để đi chài, Danh Bố vấp phải một tảng đá sóng đánh dạt vào. Danh Bố gỏi đầu lên tảng đá rồi ngủ. Người đánh cá nằm mơ thấy Thai Dương phu nhân quở trách, bèn thầm khẩn xin được may mắn khi đánh cá. Lời khẩn trở thành hiện thực, chẳng bao lâu, Danh Bố trở thành một người khá giả trong làng và anh ta dựng một lều tranh để thờ tảng đá. Hương chức trong làng thấy sự lạ ở Danh Bố, triệu anh tới để căn vặn.

Nghe Danh Bố kể về thần đá, hương chức quyết định xây một ngôi miếu đất để thờ thần. Từ đó, nữ thần phù hộ cho dân làng. Đào Thái Hanh còn nối tiếp truyền với những sự kiện lịch sử liên quan đến tính linh thiêng, hiển linh của Thai Dương phu nhân và quá trình tu bổ miếu: sự mạo phạm của đoàn khách buôn Nhật Bản đến đá thần (khách buôn chém vỡ tảng đá để lấy phác ngọc, giải thích hiện trạng của những mảnh đá thờ hiện nay – NTQH); sự hiển linh của nữ thần dưới triều Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng đế, Thái Tông Hiếu Triết Hoàng đế; miếu được tu bổ (năm Gia Long thứ 12, năm 1820 dưới triều Minh Mạng) và xây dựng lại rất nhiều lần bởi sự tác động của thiên nhiên và chiến tranh (năm Thành Thái 1898); và những lần thu nhặt các mảnh cẩm thạch của đá thần (triều Dục Đức năm 1883, đoàn quân Pháp đã đổ những mảnh cẩm thạch xuống sông, đến năm Đồng Khánh nguyên niên 1886, chức sắc trong làng cho người lặn vớt các mảnh cẩm thạch để táng xuống huyết trong miếu). Trong văn bản của Đào Thái Hanh, gốc gác của người đánh cá là người Việt. Công lớn của nhà nghiên cứu là đã tập hợp được rất nhiều sự kiện lịch sử ghi lại dấu ấn linh thiêng của thần đá, đồng thời cũng cho thấy niềm tin nhân dân đặt vào nữ thần.

Cũng giống như *Kì Thạch phu nhân*, trong *Truyện kể dân gian Thừa Thiên Huế* (1998), nhóm biên soạn (Tôn Thất Bình chủ biên, Trần Hoàng và Triều Nguyên) đã dựng lại tác phẩm *Thai Dương phu nhân* và đặt trong thể loại truyền thuyết. Trên cơ sở văn bản của Quốc sử quán triều Nguyễn và Đào Thái Hanh, điểm khác biệt là nhóm biên soạn chỉ bổ sung vị trí địa lý hiện nay của đền (ở làng Thai Dương, xã Thuận An, huyện Phú Vang) và gói gọn những câu chuyện hiển linh của Thai Dương phu nhân dưới thời chúa Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng đế và chúa Thần Tông Hiếu Triết.

Truyền thuyết về miếu Thai Dương phu nhân được kể lại trong quyển 4, Truyền thuyết dân gian người Việt của bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt* do Viện Nghiên cứu văn hóa biên soạn (2009). Văn bản giới thiệu cả hai dị bản đang tồn tại (người đánh cá tên Bố và câu chuyện về hai anh em mồ côi). Bản kể *Truyện tích Thai Dương phu nhân* có một số điểm dị biệt: câu chuyện nhặt đá lạ được xác định vào đời nhà Lê, nhân vật đánh cá tên Bố (không phải Danh Bố - NTQH), và hai anh em mồ côi không được nêu rõ là người nước nào. Truyền thuyết chỉ đề cập đến việc sắc phong, sửa sang đền và tế lễ ở thời chúa Nguyễn Phúc Lan, Nguyễn Phúc Tần và Gia Long.

Năm 2010, *Huế xưa và nay: di tích và danh thắng* của tác giả Phan Thuận An [8] được xuất bản. Công trình không chỉ giới thiệu một cách chi tiết về các di tích, danh thắng ở Huế, mà còn đem đến cho bạn đọc những hình ảnh tư liệu quý xưa và nay của các di tích, danh thắng trên. Ở mục 3 (Một số danh thắng và di tích khác ở vùng Huế), khi giới thiệu đền Thai Dương phu nhân, Phan Thuận An đã tóm lược hai thuyết về gốc gác nữ thần Thai Dương phu nhân (gốc Chăm và gốc Việt). Đồng thời, nhà nghiên cứu bổ sung thêm một số chi tiết: hình dáng nguyên khối của tảng đá thờ, sự kiện di dời vị trí đền (từ ấp Đông Thái đến ấp Phú Ninh), việc dựng bia đá (thời Minh Mạng),

tạc tượng nữ thần của dân làng, các thần sắc được bảo lưu, lễ tế hàng năm vào ngày 23 tháng Chạp âm lịch, lễ an vị năm 2006. Đặc biệt, trong phụ bản III.42. Đền Thai Dương phu nhân, nhà nghiên cứu đã đưa ra 6 hình ảnh tư liệu, gồm: Phế tích đền Thai Dương phu nhân (1984), Bàn thờ trong đền Thai Dương phu nhân trước và sau khi trùng tu (2005 và 2006), Đền Thai Dương phu nhân sau khi trùng tu (2006), Lễ an vị tại đền (2006) và những mảnh vỡ của tảng đá thần được rước vào thờ lại tại đền (2006):

III.42. Đền Thai Dương Phu nhân



1. Phế tích đền Thai Dương Phu Nhân.
Ảnh chụp năm 1984.



2. Bàn thờ trong đền Thai Dương Phu Nhân trước khi trùng tu.
Ảnh chụp năm 2005.



3. Đền Thai Dương Phu Nhân sau khi trùng tu.
Ảnh chụp năm 2006.



4. Bàn thờ trong đền Thai Dương Phu Nhân.
Ảnh chụp năm 2006.



5. Lễ an vị tại đền Thai Dương Phu Nhân.
Ảnh chụp năm 2006.



6. Những mảnh vỡ của tảng đá thần được rước vào thờ lại tại đền.
Ảnh chụp năm 2006.

Trong tập 1 – Thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, thuộc bộ *Tổng tập văn học dân gian xứ Huế* (2012), tác giả Triều Nguyên cũng dựng lại văn bản *Thần Thai Dương phu nhân* trên cơ sở kết hợp các tài liệu. *Thần Thai Dương phu nhân* khá gần với văn bản trong *Truyện kể dân gian Thừa Thiên Huế*, tác giả cũng khẳng định ông nghiêng về văn bản đó hơn. Trong cách phân loại, Triều Nguyên đưa tác phẩm này vào thể loại thần thoại, như *Thần Kì Thạch phu nhân*. Đối với tác phẩm, chúng tôi thống nhất thuộc thể loại truyền thuyết.

Như vậy, truyền thuyết về Thai Dương phu nhân tồn tại hai dòng dị bản. Điểm quan trọng chính là về gốc gác của nữ thần. Điều đó đã cho thấy dị bản có thể được tạo ra bởi lòng tự tôn, ý thức về cộng đồng, làng xã của nhân dân địa phương. Hai dòng dị bản là minh chứng cho sự chung sống của người Việt và người Chăm trên mảnh đất này, hoặc là sự dung hòa/ chồng lấn về tín ngưỡng, văn hóa.

Chúng tôi muốn bàn luận kỹ hơn về vấn đề thể loại của hai truyện kể *Thai*

Dương phu nhân và Kì Thạch phu nhân. Bên cạnh cảm hứng tôn vinh cái thiêng của lịch sử, truyền thuyết Việt Nam cũng như trên thế giới có một bộ phận phản ánh tâm lý sùng bái lực lượng siêu nhiên hay thể hiện khát vọng giải mã những bí ẩn của cuộc sống. Trong bài viết “Thể loại truyền thuyết dưới mắt các nhà nghiên cứu folklore Nhật Bản và Trung Quốc” (2000) in trên tạp chí Nghiên cứu văn học, Kiều Thu Hoạch ghi nhận tiểu loại “truyền thuyết tín ngưỡng”/ “truyền thuyết tôn giáo” trong các bảng phân loại của những nhà nghiên cứu truyền thuyết Nhật Bản. Theo Seki Keigo (1899 – 1990), nội dung cụ thể của tiểu loại là “những truyền thuyết phản ánh tín ngưỡng nảy sinh trong quần chúng về phép ma, về thần núi, thủy thần, thủy quái, về những tinh linh ở ao hồ, long vương, thần rắn, về thần tổ tiên trong gia đình, về yêu ma quỷ quái các loại, về người khổng lồ” (trong công trình *Phương pháp luận của truyện cổ tích và truyền thuyết*, dẫn theo Kiều Thu Hoạch, [9]). Đối với các nhà nghiên cứu truyền thuyết Trung Quốc, bộ phận truyền thuyết trên được gọi là “truyền ngoa” (những mẫu chuyện kỳ quái lưu truyền trong dân gian). Vì thế, chúng tôi cho rằng *Thai Dương phu nhân* và *Kì Thạch phu nhân* thuộc nhóm truyền thuyết về “sự hiện hữu của phép lạ”/ “bí ẩn của thế giới tâm linh” [10]. Đá trong hai bản kể liên quan chặt chẽ đến “tín ngưỡng dân gian, đến sức mạnh của phép lạ được huyền truyền có thể mang đến vận may hoặc sự phù hộ hay trừng phạt đối với người trần mà lực lượng siêu nhiên mang tới” [11]. Hay nói cách khác, đá tồn tại trong truyền thuyết chính là biểu hiện của tín ngưỡng vật linh.

Nếu chiếu theo sự phân loại truyền thuyết của Triều Nguyên trong công trình *Tổng tập văn học dân gian xứ Huế*, hai tác phẩm thuộc dạng truyền thuyết về sự tích của đền miếu [tác giả phân truyền thuyết thành 4 loại: truyền thuyết về các bậc vua chúa, anh hùng, khanh tướng; truyền thuyết về những sự hiển linh của thần thánh, vật thiêng; truyền thuyết về các vị thành hoàng, khai canh, khai khẩn và tổ họ ở các làng; truyền thuyết về sự tích (giải thích tên gọi) của một số mảnh đất, núi sông, đền miếu – NTQH]. Bởi lẽ văn bản tập trung giải thích sự ra đời (tên gọi) và tính linh thiêng của đền Thai Dương phu nhân và miếu Kì Thạch phu nhân.

Ngoài ra, sự khác biệt giữa các dị bản đối với hai truyền thuyết trên chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, dị bản được tạo ra bởi quá trình lưu truyền. Đây là nét đặc trưng của văn học dân gian. Do tính tập thể và truyền miệng, tác phẩm văn học dân gian càng được lưu truyền, khả năng nảy sinh dị bản càng cao.

Thứ hai, mục đích ghi chép của các công trình mang tính đặc thù thể loại. Địa chỉ là thể loại ghi chép, biên soạn, giới thiệu về địa lý, văn hóa, lịch sử, phong tục, nhân vật... nên các thông tin bên ngoài văn bản (truyền thuyết), các chi tiết liên quan đến vị trí tọa lạc, kiến trúc đền/ miếu, hình thức thờ cúng,... được cung cấp đầy đủ. Trong đó, vai trò của văn bản truyền thuyết là một nguồn sử liệu. Độ tin cậy của sử liệu truyền

miệng có thể không cao nhưng có quyền năng mạnh mẽ trong việc tạo “niềm tin vào sự huyền diệu có thật” [12] ở các đền/ miếu, tăng tính hấp dẫn/ thú vị của đền/ miếu. Còn đối với các tổng tập dân gian, văn bản là quan trọng nhất, được tập trung sưu tầm, biên soạn và những vấn đề liên quan đến đền/ miếu chỉ được giới thiệu sơ lược (nếu có).

Thứ ba, việc xác định thể loại ảnh hưởng đến quá trình dựng lại tác phẩm trên cơ sở các dữ liệu đã có. Điều này tuy chưa tạo ra độ khác biệt cao nhưng tên thể loại có khả năng định hướng không chỉ ở người biên soạn mà cả người đọc, đặc biệt đối với hai thể loại truyền thuyết và thần thoại có ranh giới rất mong manh.

2.2. Cấu trúc văn bản

(Ở mục này, các chi tiết văn bản chúng tôi đưa ra dựa trên sự tổng hợp những công trình đã được đề cập đến ở mục 1. Chúng tôi sử dụng cả hai dạng văn bản: được in trong các tuyển tập văn học dân gian và được ghi chép trong những công trình mang tính địa chí).

Truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kì Thạch phu nhân có kết cấu gần giống dạng thần tích về thiên thần, với bố cục đơn giản, “chỉ nêu sự linh thiêng vốn có của các vị thần tự nhiên ở từng địa phương, sức mạnh của thần trong việc giúp dân giải quyết những vấn đề của đời sống con người, niềm tin và sự thờ cúng của dân và việc sắc phong của triều đình” [13]. Vì vậy, cả hai truyền thuyết đều có một điểm chung về cấu trúc văn bản, đó là gồm 2 phần:

Phần thứ nhất giải thích tên gọi của đền/ miếu, xoay quanh nhân vật trung tâm là đá thiêng/ vị thần trú ngụ trong đá.

Phần thứ hai về sự hiển linh của đá thiêng/ vị thần trú ngụ trong đá.

Nếu văn bản về Thai Dương phu nhân được lưu lại trong *Ô Châu cận lục* chỉ gói gọn trong câu chuyện của phần một thì những văn bản khác đều được làm dày thêm/ phong phú hơn phần hai – sự hiển linh của đá thiêng/vị thần trú ngụ trong đá. Ở Kì Thạch phu nhân, từ văn bản được ghi trong *Đại Nam nhất thống chí: Thừa Thiên phủ* cho đến những văn bản sau này, truyền thuyết luôn đầy đủ cả hai phần.

Sự kết hợp của hai phần trong cấu trúc văn bản biểu thị rất rõ đặc trưng riêng có của thể loại tự sự dân gian truyền thuyết: sự gắn bó chặt chẽ giữa yếu tố hư cấu và những chi tiết có thật, mang tính lịch sử. Mỗi quan hệ thực và hư đã phản ánh bước chuyển/ sự gần gũi của các thể loại thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích, đồng thời cũng chỉ ra tính chất riêng góp phần định danh thể loại của truyền thuyết.

Ở phần một, câu chuyện giải thích tên gọi của đền miếu mang đậm màu sắc huyền thoại, khó xác thực. Bởi nhân vật trung tâm của truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kì Thạch phu nhân là thiên thần, không phải là nhân vật lịch sử. Chỉ duy

nhất một sự vật có thật, tồn tại từ trong truyền thuyết đến đời thực: đá. Tuy nhiên, vị thần trú ngụ trong đá lại mang tính thần thoại, vì nó thể hiện cách giải thích tự nhiên trên cơ sở mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Hay nói như Chu Xuân Diên: “Truyền thuyết là một trong những thể loại tự sự dân gian, có quan hệ gần gũi với các thể loại tự sự dân gian khác như thần thoại và truyện cổ tích, vì trong hệ thống hình tượng truyền thuyết phần hư cấu nghệ thuật chủ yếu dựa vào những mẫu đề và hình tượng của thần thoại và truyện cổ tích thần kỳ” [14].

Trong khi ở phần hai, sự hiển linh của đá/ vị thần trú ngụ trong đá cũng đầy chất thần kỳ, phải nắm bắt dữ liệu bằng niềm tin lại được đánh dấu với các mốc son lịch sử cụ thể, chính xác. Có lẽ do “đặc điểm chủ yếu phân biệt truyền thuyết với các thể loại thần thoại và truyện cổ tích là trong truyền thuyết bao giờ cũng giữ lại được những nét chính yếu của những sự kiện và con người có thực, làm thành cái lõi cốt hiện thực lịch sử - cụ thể cho trí tưởng tượng nghệ thuật của nhân dân” [15].

Chúng tôi xin đưa ra một bảng thống kê lõi lịch sử trong phần thứ hai – sự hiển linh trong cấu trúc văn bản của truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kì Thạch phu nhân. Sự hiển linh của đá thiêng/ vị thần trú ngụ trong đá khiến không chỉ nhân dân mà các vua chúa triều Nguyễn cũng tin và theo, cụ thể trong việc sắc phong, tu bổ, xây dựng đền miếu. Do vậy, chúng tôi đưa cả những dữ kiện trên vào trong bảng thống kê như là minh chứng cho mối quan hệ tương hỗ giữa đá/ vị thần trú ngụ trong đá với việc thờ cúng của nhân dân.

STT	Thời gian	Sự hiển linh	Sắc phong thần và trùng tu di tích
1	Không xác định		Vua Nguyễn phong tước “Kì Thạch phu nhân chi thần” (nữ thần đá kỳ lạ)
2	Thời Tự Đức	Đem mưa về sau khi vua sai đại thần đến miếu cầu mưa	

Phần hai trong văn bản truyền thuyết về Kì Thạch phu nhân

STT	Thời gian	Sự hiển linh	Sự kiện khác
1	Không xác định	- Khiến người khách buôn trên thuyền Nhật lẫn ra bất tỉnh [người đã dùng búa đập nát tảng đá để lấy ngọc – NTQH] - Làm thuyền của khách buôn Nhật bị vỡ ra, chìm ngay xuống nước, dù trời yên biển lặng	

2	Thời chúa Thần Tôn Hiếu Chiêu Hoàng đế/ Nguyễn Phúc Lan (1634 – 1648)	Nổi gió lên đưa đoàn thuyền tiếp tế quân lương đến nơi an toàn, sau khi chúa cho đại thần đến cầu đảo tại đền	- Phong tước “Thai Dương Linh ứng Đoan Thục Nhu Thuận Trinh Tú Huệ Đức Cẩn Hạnh phu nhân chi thần” - Xuất tiền tu bổ miếu - Làm lễ tam sanh để tạ ơn
3	Thời chúa Thần Tôn Hiếu Triết/ Nguyễn Phúc Tần (1649 – 1687)	Đem mưa về, sau khi chúa cho viên quan về Cửa Thuận để kêu cầu	Miếu được tu bổ lại
4	Năm Gia Long thứ 10 (1811)		Cấp tiền trùng tu miếu

Phần hai trong văn bản truyền thuyết về Thai Dương phu nhân

Có thể thấy thực và hư cấu đan xen vào nhau. Yếu tố hư cấu được sử dụng nhằm tăng thêm tính huyền thoại, nâng cao vị trí của nhân vật trung tâm: đá thiêng/ vị thần trú ngụ trong đá. Trong khi đó, những chi tiết có thật, mang tính lịch sử lại có tác động ngược trở lại, góp phần chứng thực cho huyền thoại, biến huyền thoại thành đời thực và gia tăng niềm tin của nhân dân/ người nghe/ người đọc vào huyền thoại đá.

Do vậy, cũng có khả năng chính cái thực đó cũng là cái hư. Không gian – lịch sử được tạo ra bởi những đơn vị thời gian có vẻ xác thực ở trên cũng chỉ là “sự cụ thể của ký ức và niềm tin chứ không biểu thị sự chính xác” [16] và là một phương thức nghệ thuật đầy dụng ý của tác giả dân gian để thuyết phục cả người kể lẫn người nghe tin vào huyền thoại. “Để rồi theo thời gian, quá trình lưu truyền thông qua hình thức truyền miệng sẽ làm nốt công việc gắn chặt các câu chuyện đó vào lịch sử, đến mức đồng nhất chúng với lịch sử xác thực” [17]. Sử liệu truyền miệng luôn đứng giữa hai bờ hư thực. Đương nhiên, dù có những mốc thời gian cụ thể nhưng tính xác thực, độ tin cậy của những câu chuyện huyền thoại về đá vẫn là vấn đề của truyền thuyết, chứ không phải của lịch sử.

Ở phần thứ hai, sự hiển linh được phân thành hai dạng: dạng giới thiệu sự kiện hiển linh và dạng trình bày câu chuyện hiển linh, làm cho phần thứ hai của văn bản đôi khi trở thành một hệ thống tập hợp các câu chuyện nhỏ. Hay chính xác, đó là sự lồng ghép của văn bản trong văn bản. So với dạng giới thiệu sự kiện hiển linh, dạng trình bày là câu chuyện hiển linh chiếm ưu thế trong việc tăng niềm tin của quần chúng nhân dân vào nhân vật đá thiêng/ vị thần trú ngụ trong đá. Vì với hình thức một

câu chuyện có nội dung rõ ràng, việc lưu truyền sẽ dễ dàng hơn (trong cả vai trò của người kể lẫn người nghe) và càng tăng thêm tính thú vị, hấp dẫn cho văn bản chính.

Trong truyền thuyết về Kì Thạch phu nhân, câu chuyện hiển linh tuy ngắn gọn, không có lời thoại, nhưng tính thuyết phục vẫn được đảm bảo. Dưới thời Tự Đức, trời đại hạn, dân chúng mất mùa, vua sai đại thần đến cầu đảo tại miếu suốt hai mươi ngày song trời không ngớt mưa. Vua quyết định dời hai tảng đá ra chỗ bến sông, đến đêm, gió mưa vẫn tầm tã. Sáng hôm sau, một tảng đá biến mất rất kỳ lạ, dẫn đến việc hiện nay tại miếu chỉ còn thờ một tảng đá. Từ câu chuyện hiển linh, chúng tôi càng khẳng định sự kết hợp giữa đá và nước trong motif đá – nước – phụ nữ của biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam.

Với truyền thuyết về Thai Dương phu nhân, ba câu chuyện nhỏ liên quan đến sự hiển linh của đá/ vị thần trong đá được ghi chép (tương ứng với các mục 1, 2, 3 trong bảng thống kê ở trên). Trong đó, thú vị nhất là câu chuyện hiển linh dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần. Trời đại hạn, chúa sai các quan đến những đền miếu nổi tiếng đều kêu cầu nhưng mãi trời không mưa. Tức giận, chúa hạ lệnh trói tất cả bài vị của các vị thần và hạn trong ba ngày, nếu trời vẫn hạn thì sẽ đổ các bài vị ấy vào chảo nước sôi. Hai ngày trôi qua và trong đêm thứ hai, viên đại thần chịu trách nhiệm cầu mưa nằm mộng thấy thần Cao Cát, hai tay bị trói ở sau, đến kể rằng mấy hôm nay Ngọc Hoàng long thể bất an, không thiết triều nên các vị thần không thể tâu trình, duy chỉ có Thai Dương phu nhân có thể ra vào điện ngọc, hãy kêu cầu đến bà. Sau khi nghe chuyện, chúa lập tức phái người đến miếu Thai Dương thần nữ cầu mưa. Mấy ngày sau, quả nhiên trời mưa. Ngay trong một câu chuyện nhỏ thuộc hệ thống, tính thực và hư của truyền thuyết cứ ảo diệu và quện xoắn vào nhau.

Đặc điểm cầu mưa của đá/ vị thần trú ngụ trong đá ở hai truyền thuyết cũng đã xác định thêm một chức năng của đá thiêng trong truyền thuyết dân gian Việt Nam: đá cầu mưa. Theo Jean Chevalier và Alain Gheerbrant, “những mảnh đá cầu mưa là vong hồn các tổ tiên đã hóa đá, nói đúng hơn, đó là những biểu tượng nơi trú ngụ của tổ tiên hoặc nơi ở thường xuyên của họ do vong hồn của họ có sức mạnh” [18]. Đá trong truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kì Thạch phu nhân, theo cảm quan của tác giả dân gian, có sự gắn kết chặt chẽ với vong hồn các tổ tiên. Nói cách khác, với lớp nghĩa này, có vẻ đã có sự đồng nhất việc thờ cúng vị thần trú ngụ trong đá với tín ngưỡng thờ ông bà tổ tiên của người dân Việt. Sự đồng nhất, luôn hỗ trợ, giúp đỡ mỗi khi người dân gặp khó khăn của vị thần đá mang bóng dáng và tình yêu thương của ông bà đối với các thế hệ con cháu. Đá không chỉ là nơi trú ngụ của các vị thần vắng lai mà còn là tổ tiên, đương nhiên việc kính ngưỡng và thờ phụng càng được nhân dân xem trọng.

Cấu trúc hai phần của các văn bản truyền thuyết về Thai Dương phu nhân và Kì Thạch phu nhân đã làm rõ thêm tính linh thiêng của đá/ vị thần trú ngụ trong đá.

Cần lưu ý rằng “Một nguyên tắc của việc soạn tự điển là tác giả phải chú ý đến việc đề cao quyền uy của các triều đại bằng việc dùng thần quyền để phục vụ vương quyền nên người anh hùng của các đời phải quy tụ về phò giúp các triều vua đương thời” [19]. Vì thế, những câu chuyện hiển linh ở phần hai của các văn bản có thể cũng là một cách đề cao quyền uy của triều Nguyễn bằng việc xây dựng sự hiển linh phò trợ của các vị thiên thần. Ở một góc nhìn khác, thiên thần đá cũng giữ vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt, có khả năng thu phục niềm tin ở quần chúng nhân dân vào các vương triều.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, có thể thấy từ biểu tượng đá và cấu trúc các truyền thuyết, chúng tôi góp phần khẳng định mảnh đất Thừa Thiên Huế có sự đan xen chặt chẽ tín ngưỡng thờ đá và tín ngưỡng thờ Mẫu của hai dân tộc Việt - Chăm. Với tính phức tạp của biểu tượng và quá trình lưu truyền, sưu tầm các bản kể, chúng tôi ý thức rõ rằng, biểu tượng đá và truyền thuyết về Kì Thạch phu nhân và Thai Dương phu nhân chưa thể đem lại nhận định khái quát, tiêu biểu cho mối quan hệ giữa biểu tượng và cấu trúc văn bản của truyền thuyết dân gian Việt Nam mà cần phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn trong các công trình chuyên khảo khác. Tất nhiên, trên cơ sở khảo sát, phân tích và bản kể bóc tách lớp nghĩa của biểu tượng đá trong truyền thuyết về Kì Thạch phu nhân, Thai Dương phu nhân, chúng tôi đã bước đầu chỉ ra sự tác động của biểu tượng, cũng như sự hỗ trợ giải mã biểu tượng từ cấu trúc văn bản để thêm một khám phá về biểu tượng và truyền thuyết dân gian Việt nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1], [10], [11], [12], [13], [16], [17], [19] Trần Thị An (2014), *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 243, 73, 123, 186, 79, 219.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn (1961, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch), *Đại Nam nhất thống chí: Thừa Thiên phủ*, tập thượng, Nha văn hóa Bộ quốc gia giáo dục xuất bản, Sài Gòn.
- [3] Đào Thái Hanh (1997), “Sự tích nữ thần Kì Thạch phu nhân”, *Những người bạn Cố đô Huế* (Đặng Như Tùng dịch), tập 2, NXB Thuận Hóa, Huế, tr. 144.
- [4] Tôn Thất Bình (chủ biên) (1998), *Truyện kể dân gian Thừa Thiên Huế*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [5] Triều Nguyên (2010), *Tổng tập văn học dân gian xứ Huế*, tập 1, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Dương Văn An (1961), *Ô Châu cận lục*, NXB Văn hóa Á Châu, tr.76.
- [7] Đào Thái Hanh (1997), “Chuyện Thánh mẫu Thai Dương phu nhân”, *Những người bạn Cố đô Huế* (Đặng Như Tùng dịch), tập 1, NXB Thuận Hóa, Huế, tr. 256.
- [8] Phan Thuận An (2008), *Huế xưa và nay: di tích và danh thắng*, NXB Thuận Hóa, Huế.
- [9], [14], [15] Kiều Thu Hoạch (2000), “Thể loại truyền thuyết dưới mắt các nhà nghiên cứu folklore Nhật Bản và Trung Quốc”, *Tạp chí Văn học* (2), tr. 45, 65.
- [18] Chevalier J., Alain Gheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr. 271.

**ISSUE OF SYMBOLS AND TEXT STRUCTURES
IN VIETNAMESE FOLK LEGENDS (THROUGH THE STONE SYMBOL AND THE
TALES OF KI THACH PHU NHAN AND THAI DUONG PHU NHAN
IN THUA THIEN HUE PROVINCE)**

Nguyen Thi Quynh Huong

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: qhuong08@husc.edu.vn

ABSTRACT

Through textual examination and structural analysis of the legends revolving Ky Thach Phu nhan and Thai Duong Phu nhan in Thua Thien Hue province, this article delves into the intimate correlation between symbols and text structure. In which, symbols dominate the structure of the text, contributing to the formation of a structure consisting of two parts: explaining the worshipped object associated with the symbol and the divine manifestation of the worshipped deity. Simultaneously, the textual structure also facilitates decoding the layers of meaning of the symbol - the form of existence of the deity.

Keywords: Legend, stone symbol, text structure, Ky Thach Phu nhan, Thai Duong Phu nhan.



Nguyễn Thị Quỳnh Hương sinh ngày 18/10/1982 tại Thành phố Huế. Năm 2004, bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Văn học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2009, bà tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam tại Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2013, bà tốt nghiệp cử nhân tiếng Anh (văn bằng 2) tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Năm 2017, bà bảo vệ luận án tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam tại Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện nay, bà giảng dạy tại Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học dân gian, Văn học Việt Nam